TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**
Án số: 54/2019/HNGĐ-PT. Ngày: 27-3-2019.	**NHÂN DANH** **NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Với thành phần:

- Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Trí Cường.

Các thẩm phán: Ông Phan Quyết Thắng bà bà Nguyễn Thị Kiều Trang.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Ông Lưu Việt Thắng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Hải, Kiểm sát viên.

Ngày 27-3-2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án Hôn nhân & Gia đình đã thụ lý số 23/2019/TLPT-HNGĐ ngày 16-01-2019 do Bản án Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm số 84/2018/HNGĐ-ST ngày 29-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 61/QĐXX-HN&GĐ ngày 14-3-2019, giữa:

- Nguyên đơn không kháng cáo: Anh TTT, sinh năm 1993.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn 3, xã Thuần Mỹ, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, (có mặt tại phiên tòa).

- Bị đơn có kháng cáo: Chị HTTT, sinh năm 1994.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn 3, xã Thuần Mỹ, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

Nơi ở: Thôn Nam An, xã Cam Thượng, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, (xin vắng mặt tại phiên tòa).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo:

1. Ông TVT, sinh năm 1968.

2. Bà PTT, sinh năm 1973.

Cùng nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn 3, xã Thuần Mỹ, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, (có mặt tại phiên tòa).

TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN

Anh TTT và chị HTTT tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 29-9-2014 tại UBND xã Thuần Mỹ và sống chung với gia đình ông TVT, bà PTT tại xã Thuần Mỹ, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

Vợ chồng chị HTTT và anh TTT không sinh được con chung. Anh TTT khai vợ chồng ly thân từ tháng 4-2018. Chị HTTT khai vợ chồng ly thân từ tháng 2-2018 đến nay.

Ngày 28-5-2018 anh TTT nộp đơn tại Tòa án nhân dân huyện Ba Vì với yêu cầu xin ly hôn chị HTTT với lý do vợ chồng thiếu tin tưởng nhau và do không sinh được con chung. Anh TTT khai vợ chồng không con chung và không tài sản, không nợ chung.

* Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm chị HTTT không tham gia tố tụng. Chỉ sau khi Tòa án nhân dân huyện Ba Vì có Quyết định đưa vụ án ra xét xử thì chị HTTT mới có văn bản đề ngày 08-9-2018 thể hiện quan điểm không đồng ý ly hôn vì lý do anh TTT ngoại tình với người phụ nữ tên Trần Phương ở thôn Yên Định, xã Sơn Đà, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội và đã có thai nên mục đích xin ly hôn là không chính đáng. Đồng thời, chị HTTT trình bày có nhiều tài sản chung và công sức cần được giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 28-9-2018 chị HTTT trình bày vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do anh TTT có dấu hiệu ngoại tình và đuổi chị HTTT khỏi nhà nêu vợ chồng sống ly thân. Chị HTTT khai tài sản chung và đề nghị chia đôi giá trị gồm:

- Góp tiền cùng bố mẹ chồng để xây chuồng lợn và sơn tường nhà ở.
- Tài sản chung của vợ chồng là xe ô tô Honda Civic BKS 29A-924.89 mua ngày 21-11-2016 vợ chồng góp chung tiền mua.

Tại đơn với tiêu đề phản tố ngày 28-9-2018 chị HTTT yêu cầu chia tài sản chung gồm:

- Công sức đóng góp với gia đình để sơn tường nhà ở là 15.000.000 đồng;
- Công sức đóng góp xây chuồng lợn là 25.000.000 đồng.
- Tài sản chung của vợ chồng là xe ô tô Honda Civic BKS 29A-924.89 trị giá 360.000.000 đồng.

Tổng cộng là 400.000.000 đồng. Chị HTTT đề nghị chia đôi tài sản, công sức.

Tại đơn đề nghị xác minh tài sản ngày 30-9-2018, chị HTTT trình bày:

- Xe ô tô mua 360.000.000 đồng, khấu hao còn khoảng 270.000.000 đồng.
- Tiền sơn nhà góp 15.000.000 đồng, khấu khao còn 10.000.000 đồng.
- Tiền xây chuồng lợn góp 25.000.000, khấu hao còn 20.000.000 đồng.

Tổng cộng tài sản chung là 300.000.000 đồng.

Quan điểm và chứng cứ của ông TVT và bà PTT như sau:

Thời điểm anh TTT kết hôn với chị HTTT từ năm 2014 và chung sống cùng gia đình tại thôn 3, xã Thuần Mỹ, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Trước đó, gia đình đã có tài sản là xe ô tô Lacceti biển kiểm soát 29A-272.32 mua ngày 26-6-2013 đứng tên anh TTT là để chạy dịch vụ taxi. Tháng 10-2016 gia đình bán xe ô tô nêu trên cho anh Nguyễn Đình Cường ở cụm 8, thị trấn Phúc Thọ, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội được 360.000.000 đồng rồi dùng một phần số tiền nêu trên mua xe ô tô Honda Civic màu xám bạc của anh Hoàng Mạnh Tuấn ở xã Yên Bình, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội với giá 320.000.000 đồng.

Ông TVT và bà PTT khai thời gian chị HTTT về làm dâu con trong gia đình còn trẻ tuổi, không công ăn việc làm, không đóng góp công sức phát triển kinh tế gia đình. Thậm chí, gia đình phải chi tiền để chị HTTT chạy chữa sinh con mà không thành công. Ông TVT và bà PTT không đồng ý việc chị Hạ Thị Thuỳ Trang đề nghị xác định và chia tài sản, công sức.

Kết quả định giá tài sản ngày 02-11-2018 và 14-11-2018 xác định:

01 hầm biogas xây năm 2011 trị giá 10.200.000 đồng.

01 chuồng lợn xây năm 2015 có mái fibro ximăng, vỉ kèo sắt, xà gồ tre, nền láng xi măng, diện tích 28,8m^2, trị giá sử dụng thực tế là 10.000.000 đồng.

01 chuồng lợn xây năm 2006, diện tích 24m^2, còn 40% trị giá sử dụng là 10.983.000 đồng.

Xe ô tô Honda Civic BKS 29A-924.98, sản xuất năm 2006, chủ phương tiện là anh Hoàng Mạnh Tuấn, mua lại năm 2016 với giá 320.000.000 đồng, khấu hao 6,67%/năm, tổng khấu hao là 20%, trị giá sử dụng hiện còn 256.000.000 đồng.

Giá trị sơn tường nhà ở vào năm 2016 gồm: Tiền mua sơn 15.000.000 đồng và tiền công sơn nhà 6.000.000 đồng = 21.000.000 đồng, còn 80% trị giá sử dụng là 16.800.000 đồng.

Với nội dung như trên, tại Bản án Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm số 37/2018/HNGĐ-ST ngày 29-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì đã căn cứ Điều 28, 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 59, 61 Luật Hôn nhân & Gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội án phí, lệ phí Tòa án, xử:

- Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh TTT. Cho anh TTT được ly hôn chị HTTT.

- Con chung: Không.

- Tài sản riêng: Không.

- Công nợ chung: Không.

- Tài sản chung, công sức: Buộc ông TVT và bà PTT thanh toán công sức đóng góp xây 01 chuồng lợn năm 2015 cho chị HTTT là 2.500.000 đồng.

Bác yêu cầu khác của chị HTTT.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn giải quyết về nghĩa vụ chịu chi phí định giá, quyền và nghĩa vụ thi hành án, về án phí sơ thẩm và thời hạn kháng cáo của đương sự trong vụ án.

* Ngày 03-12-2018, chị HTTT kháng cáo đề nghị xem xét lại bản án sơ thẩm với lý do:

- Mục đích xin ly hôn của anh TTT không chính đáng. Tòa án nhân dân huyện Ba Vì chấp nhận cho anh TTT ly hôn là không phù hợp.

- Tòa án nhân dân huyện Ba Vì không giao Thông báo ngày 29-11-2018 cho chị HTTT.

- Tòa án nhân dân huyện Ba Vì xét xử khi chị HTTT đang khiếu nại về định giá tài sản, chưa được giải quyết.

- Tòa án nhân dân huyện Ba Vì xét xử về tài sản, công sức chưa đảm bảo quyền lợi của chị HTTT; không đồng ý xác định xe ô tô là tài sản của gia đình ông TVT, bà PTT.

* Tại biên bản làm việc ngày 01-3-2019, chị HTTT trình bày có biết lịch xét xử sơ thẩm ngày 29-11-2018 nhưng không đến phiên tòa do trước đó ngày 06-11-2018 chị HTTT đã có Đơn khiếu nại về hoạt động định giá tài sản chung nhưng chưa được giải quyết và ngày 21-11-2018 chị HTTT đã có Đơn đề nghị hoãn phiên tòa. Chị HTTT giữ nguyên nội dung kháng cáo, yêu cầu được thanh toán số tiền về tài sản và công sức là 130.000.000 đồng.

* Quan điểm của ông TVT, bà PTT và anh TTT không đồng ý với kháng cáo của chị HTTT.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Anh TTT, ông TVT, bà PTT có mặt tại phiên tòa và giữ nguyên quan điểm liên quan đến kháng cáo của chị HTTT.

- Chị HTTT có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội nêu ý kiến: Về hoạt động tiến hành tố tụng của Tòa án và Hội đồng xét xử phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật, đương sự đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị

Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự để giữ nguyên bản án sơ thẩm vì:

+ Đối với kháng cáo của chị HTTT cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng: Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2018/QĐST-HNGĐ ngày 13-11-2018 đã được Tòa án nhân dân huyện Ba Vì tống đạt và niêm yết hợp lệ. Chị HTTT đã được thông báo về buổi xem xét, thẩm định và định giá, đã biết lịch mở lại phiên tòa nhưng đều vắng mặt. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm không vi phạm tố tụng như kháng cáo của chị HTTT.

+ Về nội dung: Không căn cứ chứng minh anh TTT ngoại tình. Chị HTTT chỉ có lời khai, không xuất trình tài liệu, chứng cứ chứng minh công sức đóng góp đối với tài sản chung của gia đình ông TVT và bà PTT.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

[1]. Chị HTTT là bị đơn trong vụ án đã gửi đơn kháng cáo ngày 03-12-2018 và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo là hợp lệ.

[2]. Tòa án nhân dân huyện Ba Vì xác định vụ án Hôn nhân & Gia đình và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Nội dung kháng cáo của chị HTTT cho rằng mục đích xin ly hôn của anh TTT không chính đáng, chưa được giải quyết khiếu nại về việc anh TTT ngoại tình. Thấy rằng:

Ngoài lời khai của mình, chị HTTT không cung cấp được chứng cứ nào khác về lý do không chính đáng khi anh TTT xin ly hôn. Tòa án nhân dân huyện Ba Vì đã xác minh và ngày 17-9-2018 tiến hành lấy lời khai của chị Trần Lan Phương, sinh năm 1994 ở địa chỉ thôn Yên Thịnh, xã Sơn Đà, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Chị Trần Lan Phương khẳng định không quan hệ tình cảm với anh TTT. Để chứng minh không mang thai, chị Trần Lan Phương xuất trình kết quả siêu âm ổ bụng ngày 12-9-2018 thể hiện không thấy bất thường. Tòa án nhân dân huyện Ba Vì đã tiếp nhận đơn sao chụp hồ sơ ngày 27-9-2018 và cho chị HTTT tiếp cận tài liệu, chứng cứ liên quan đến quan hệ của anh TTT với người phụ nữ khác. Do đó, chị HTTT cho rằng đã có đơn đề nghị về việc anh TTT ngoại tình nhưng chưa được Tòa án xem xét là không đúng. Mặt khác, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh TTT và chị HTTT là thực tế, mục đích hôn nhân không đạt

được, cuộc sống chung không còn tồn tại nên Tòa án nhân dân huyện Ba Vì xử cho anh TTT được ly hôn chị HTTT là phù hợp.

[4]. Xét lý do kháng cáo của chị HTTT về việc không được thông báo phiên tòa ngày 29-11-2018, thấy rằng:

Ngày 06-11-2018, chị HTTT có đơn khiếu nại định giá tài sản chung. Ngày 09-11-2018, chị HTTT có đơn đề nghị định giá tài sản chung. Nội dung các đơn đề nghị tiến hành xem xét, thẩm định và định giá lại tài sản. Tòa án nhân dân huyện Ba Vì đã ra Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2018/QĐST-HNGĐ ngày 13-11-2018 hoãn phiên tòa vì lý do nêu trên và tống đạt cho chị HTTT thông qua bà Nguyễn Thị Thơm - mẹ ruột chị HTTT và tiến hành niêm yết công khai tại nơi cư trú và tại trụ sở UBND xã Cam Thượng là nơi chị HTTT cư trú là đúng quy định tại Điều 171 và khoản 5 Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặt khác, tại biên bản làm việc ngày 01-3-2019 với Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, chị HTTT khai "có biết lịch xét xử nhưng không tham dự phiên tòa". Do đó không căn cứ chấp nhận lý do kháng cáo của chị HTTT về việc không nhận được thông báo phiên tòa ngày 29-11-2018.

[5]. Xét lý do kháng cáo của chị HTTT về chưa giải quyết khiếu nại việc xác minh tài sản và định giá tài sản mà đã đưa vụ án ra xét xử, thấy rằng:

Sau khi nhận đơn khiếu nại ngày 06-11-2018 và đơn đề nghị định giá tài sản chung ngày 09-11-2018 của chị HTTT, Tòa án nhân dân huyện Ba Vì đã ra Quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ số 26/2018/QĐ-XXTĐTC ngày 09-10-2018 và Quyết định định giá tài sản và thành lập hội đồng định giá số 26/2018/QĐ-ĐG ngày 09-11-2018. Tòa án nhân dân huyện Ba Vì đã tống đạt trực tiếp các Quyết định tố tụng nêu trên nhưng chị HTTT từ chối nhận. Sau đó, Tòa án huyện Ba Vì đã gửi các Quyết định tố tụng theo đường bưu điện theo các vận đơn của số RG113922880VN và RG113923063VN. Chị HTTT đã ký nhận. Tuy nhiên khi Hội đồng định giá tiến hành làm việc ngày 14-11-2018 thì chị HTTT vắng mặt không lý do.

Ngày 16-11-2018, chị HTTT tiếp tục có đơn khiếu nại kết quả định giá tài sản lần 2 với nội dung: Yêu cầu định giá lại tài sản và khiếu nại việc định giá không có sự tham gia của Viện kiểm sát. Thấy rằng:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân là cơ quan tố tụng có chức năng kiểm sát hoạt động tố tụng của Tòa án, không là thành phần tham gia Hội đồng định giá tài sản theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 104 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình kiểm sát vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì không kiến nghị, kháng nghị đối với kết quả xét xử của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì. Do đó, lý do kháng cáo của chị HTTT về việc vắng mặt đại

diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì tại buổi định giá tài sản là không phù hợp.

- Tòa án nhân dân huyện Ba Vì đã tiến hành xác minh, định giá lại tài sản là chuồng lợn và ô tô Honda Civic BKS 29A-924.89 nhưng chị HTTT vắng mặt không lý do. Sau đó chị HTTT gửi đơn không đồng ý với kết quả định giá nhưng không nêu được lý do chính đáng cũng như không xuất trình được chứng cứ. Do đó không căn cứ chấp nhận lý do kháng cáo về kết quả định giá của chị HTTT.

[6]. Xét nội dung kháng cáo của chị HTTT về tài sản chung của vợ chồng và công sức.

Chị HTTT cho rằng tài sản là xe ô tô Honda Civic BKS 29A-924.89 là của vợ chồng. Ngoài ra chị HTTT góp tiền sơn tường nhà, góp tiền xây chuồng lợn và hầm biogas. Thấy rằng:

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự: "*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó*". Tòa án nhân dân huyện Ba Vì đã nhiều lần tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đối chất nhưng chị HTTT đều vắng mặt hoặc tự ý bỏ về, sau đó chỉ gửi đơn đến Tòa án trình bày có đóng góp công sức nhưng không xuất trình tài liệu, chứng cứ chứng minh. Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự: "*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*". Ngoài lời khai của mình, chị HTTT không chứng minh được việc đã góp tiền để mua ô tô mang tên anh TTT. Trong khi đó, lời khai của ông TVT, bà PTT và anh TTT phù hợp với nội dung Tòa án nhân dân huyện Ba Vì xác minh, lấy lời khai những người làm chứng về việc trước khi chị HTTT về làm dâu gia đình ông TVT, bà PTT đã có xe ô tô Lacceti biển kiểm soát 29A-272.32 mua ngày 26-6-2013 đứng tên anh TTT để chạy dịch vụ taxi. Sau khi chị HTTT kết hôn với anh TTT, năm 2016 gia đình đã bán đổi xe ô tô và do anh TTT sử dụng xe chạy taxi nên vẫn đứng tên giấy tờ mua bán. Do đó, không cơ sở xác định xe ô tô Honda Civic BKS 29A-924.89 là tài sản chung của vợ chồng anh TTT, chị HTTT. Tuy nhiên theo quy định tại khoản 1 Điều 61 Luật Hôn nhân & gia đình: "*Trong trường hợp vợ chồng sống chung với gia đình mà ly hôn, nếu tài sản của vợ chồng trong khối tài sản chung của gia đình không xác định được thì vợ hoặc chồng được chia một phần trong khối tài sản chung của gia đình căn cứ vào công sức đóng góp của vợ chồng vào việc tạo lập, duy trì, phát triển khối tài sản chung cũng như vào đời sống chung của gia đình*". Đồng thời điểm b khoản

2 Điều 59 Luật Hôn nhân & gia đình cũng xác định: "*Lao động của vợ, chồng trong gia đình được coi như lao động có thu nhập*". Theo quy định này thì chị HTTT ở nhà chăm sóc gia đình vẫn được tính là lao động có thu nhập tương đương với thu nhập của anh TTT đi làm. Mặc dù ông TVT và bà PTT cho rằng trong thời gian chung sống với gia đình chị HTTT và anh TTT đều không có công ăn việc làm ổn định nhưng lời khai của các đương sự đều thể hiện anh TTT làm nghề lái xe taxi là đã cùng gia đình phát triển kinh tế. Do đó xác định anh TTT, chị HTTT chung sống tại nhà ông TVT và bà PTT có công sức chăm sóc và duy trì đời sống gia đình từ năm 2014 đến năm 2018. Cần trích một phần trị giá tài sản được tạo lập trong thời gian này phù hợp với công sức đóng góp của chị HTTT. Tòa án nhân dân huyện Ba Vì tính công sức đóng góp cho chị HTTT trong việc xây dựng 01 chuồng lợn năm 2015 mà không xem xét công sức của chị HTTT trong việc lăn sơn tường nhà và xe ô tô Honda Civic BKS 29A-924.98 mua năm 2016 là chưa phù hợp. Theo kết quả định giá ngày 02-11-2018 và 14-11-2018, xác định các tài sản được tạo lập, phát sinh trong thời gian chung sống giữa anh TTT với chị HTTT tại nhà ông TVT và bà PTT thì:

1. 01 xe ô tô Honda Civic BKS 29A-924.98 trị giá 256.000.000 đồng. Xác định công sức đóng góp của anh TTT, chị HTTT là 58.200.000 đồng. Chị HTTT được 29.100.000 đồng.

2. 01 chuồng lợn xây năm 2015 trị giá 10.000.000 đồng. Xác định công sức đóng góp của anh TTT, chị HTTT là 5.000.000 đồng. Chị HTTT được 2.500.000 đồng.

3. Sơn tường nhà năm 2016 trị giá 16.800.000 đồng. Xác định công sức đóng góp của anh TTT, chị HTTT là 6.800.000 đồng. Chị HTTT được 3.400.000 đồng.

Tổng số tiền công sức của chị HTTT là: 35.000.000 đồng cần buộc ông TVT và bà PTT phải thanh toán.

[7]. Xét nội dung kháng cáo của chị HTTT về nghĩa vụ chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Căn cứ Điều 157 và khoản 2 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự thì:

- Chi phí tố tụng để xác định và định giá tài sản, công sức lần thứ nhất là 2.800.000 đồng nên chị HTTT và anh TTT mỗi người chịu ½ là 1.400.000 đồng.

- Theo đề nghị của chị HTTT, Tòa án nhân dân huyện Ba Vì tổ chức Hội đồng xác minh, định giá tài sản lần thứ hai với chi phí tố tụng là 2.400.000 đồng. Kết quả định giá lại không thay đổi giá trị của xe ô tô Honda Civic BKS 29A-924.98. Kết quả xét xử không chấp nhận chuồng lợn xây dựng năm 2006 là tài sản chung của vợ chồng anh TTT, chị HTTT và xác định chị HTTT không có

công sức tạo lập chuồng lợn xây dựng từ 2006. Do đó, chị HTTT phải chịu toàn bộ số tiền chi phí định giá lại tài sản là 2.400.000 đồng.

Tổng số tiền chi phí xác minh, định giá 2 lần chị HTTT phải chịu là 3.800.000 đồng, đã nộp tạm ứng 5.000.000 đồng nên được trả lại 1.200.000 đồng.

Tòa án nhân dân huyện Ba Vì xác định và buộc anh TTT thanh toán cho chị HTTT 1.000.000 đồng là không phù hợp. Cần buộc anh TTT thanh toán cho chị HTTT 1.200.000 đồng chi phí định giá tài sản.

Tòa án nhân dân huyện Ba Vì không buộc anh TTT nộp 200.000 đồng chi phí định giá còn lại nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[8]. Về án phí:

Chị HTTT phải chịu án phí dân sự có giá ngạch trên số tiền 35.000.000 đồng được hưởng, cụ thể là 1.750.000 đồng.

Kháng cáo của chị HTTT được chấp nhận một phần để sửa án sơ thẩm nên chị HTTT không phải chịu án phí phúc thẩm.

Từ nhận định trên.

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

I. Chấp nhận một phần kháng cáo của chị HTTT.

1. Sửa Bản án Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm số 37/2018/HNGĐ-ST ngày 29-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Cụ thể:

- Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh TTT. Cho anh TTT được ly hôn chị HTTT.

- Con chung: Không.

- Tài sản riêng: Không.

- Công nợ chung: Không.

- Xác định chị HTTT đóng góp công sức trong khối tài sản chung của gia đình ông TVT và bà PTT gồm 01 xe ô tô Honda Civic BKS 29A-924.89, sơn tường nhà ở và xây 01 chuồng lợn năm 2015. Buộc ông TVT và bà PTT phải thanh toán cho chị HTTT số tiền 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng).

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Chị HTTT phải chịu 3.800.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, được đối trừ trong số tiền đã nộp tạm ứng.

Anh TTT phải thanh toán trả chị HTTT 1.200.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Kể từ ngày chị HTTT có đơn yêu cầu thi hành án mà ông TVT, bà PTT và anh TTT chậm thanh toán những khoản tiền nêu trên thì phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

- Về án phí dân sự:

Chị HTTT phải chịu án phí chia tài sản là 1.750.000 đồng, được đối trừ trong số tiền 10.000.000 đồng đã nộp tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Vì (Biên lai số 0008871 ngày 15-10-2018). Trả lại chị HTTT tiền tạm ứng án phí chia tài sản còn lại là 8.250.000 đồng.

II. Án phí Hôn nhân & Gia đình phúc thẩm: Chị HTTT không phải chịu án phí phúc thẩm Hôn nhân & Gia đình. Trả lại chị HTTT 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm Hôn nhân & Gia đình tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Vì (Biên lai số 0008964 ngày 11-12-2018).

III. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Trí Cường

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND huyện Ba Vì;
- Chi cục THADS huyện Ba Vì;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.